

Bản án số: 17/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 31-8-2017

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Hoa.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên
tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2016/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Bích C (Thị C), sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện T, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Đ trình bày: Anh Đ và chị Trương Thị Bích C (Thị C) kết hôn năm 2000, có giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống có

3 người con là Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/01/2001; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/10/2002; cháu Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 07/3/2005. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn đến năm 2009 thì chị C bỏ nhà ra đi cho đến nay, hiện anh Đ cũng không biết chị C ở đâu. Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai.

Nay anh Đ xin ly hôn, xin nuôi 3 con không yêu cầu cấp dưỡng, không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai.

Bị đơn chị Trương Thị Bích C (Thị C) vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quá trình thu thập chứng cứ:

Tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2017 của Tòa án, bà Võ Thị V là Trưởng ấp H, xã V, huyện T, tỉnh K xác nhận về tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị C thường xảy ra mâu thuẫn. Năm 2009, chị C bỏ chồng và các con chung đi cho đến nay, không tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, cuộc sống vợ chồng không còn chăm sóc lẫn nhau.

Tại các lời trình bày nguyện vọng của các cháu Nguyễn Duy K, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc X đều thống nhất được sống chung với anh Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn và xin nuôi con của anh Đoàn vì mâu thuẫn của anh Đ và chị C đã được chính quyền địa phương xác nhận và các con chung đều có nguyện vọng theo anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Thị C đã được Tòa án tổng đạt bằng thủ tục Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng

mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Bích C (Thị C).

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng:* Anh Nguyễn Thanh Đ và chị Trương Thị Bích C (Thị C) tự nguyện kết hôn vào năm 2000, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới đồng thời được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[3] Về nguyên nhân xin ly hôn theo anh Đ trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị C không chăm sóc con chung và vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Về mâu thuẫn giữa anh Đ và chị C được gia đình và chính quyền địa phương xác nhận là có thật, chị C đã bỏ gia đình và các con đi làm ăn ở nơi khác, không có liên lạc với anh Đ và tới lui hỏi thăm các con chung, anh chị đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không còn chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy chị C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[4] *Về con chung:* Có 03 con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/01/2001; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/10/2002; cháu Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 07/3/2005. Các cháu hiện đang sống chung với anh Đ. Từ khi chị C bỏ đi cho đến nay không có tới lui thăm hỏi và chăm sóc con chung; các cháu hiện đang được anh Đ nuôi dạy tốt và đều có nguyện vọng sống chung với anh Đ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cả 03 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng:* Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Chị C có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[6] *Về tài sản chung:* Anh Đ và chị C không yêu cầu nên không xem xét.

[7] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 5, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Anh Đ chịu

200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004021 ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 5, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn với chị Trương Thị Bích C (Thị C).

2- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/01/2001; cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 27/10/2002; cháu Nguyễn Ngọc X, sinh ngày 07/3/2005 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung hiện đang sống với anh Đ.

Chị C có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

3- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Anh Đ chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004021 ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm

.

